TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 / 2018 / DS - ST
Ngày: 12 / 01 / 2018
"V/v tranh chấp hợp đồng hụi, hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Trúc Mai;
2. Ông Nguyễn Quốc Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Ngày 12 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử công khai vụ án thụ lý số: 240/2017/TLST - DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp: *"Hợp đồng hụi và hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 574/2017/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Tr**, sinh năm: 1964;

Địa chỉ: Ấp Phú Thành, xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị D**, sinh năm: 1963;

Địa chỉ: Ấp Phú Thành, xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Bà Tr có mặt, bà D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Tr trình bày: bà có làm chủ 01 dây hụi 3.000.000 đồng, có 21 phần, hụi khởi sự vào ngày 16/4/2015 AL. Trong dây hụi này bà Trần Thị D có tham gia 01 phần và đã hốt hụi vào ngày 16/10/2015 AL. Sau khi nhận tiền hụi bà D có thực hiện việc góp hụi đầy đủ đến ngày 16/9/2016 AL thì ngưng, còn thiếu lại 04 kỳ hụi chưa góp với tổng số tiền là 12.000.000 đồng. Ngoài ra vào ngày 07/6/2016 AL bà D có hỏi mượn của bà 5.000.000 đồng, đã trả được 500.000 đồng thì ngưng. Nay yêu cầu bà D trả lại cho bà

16.500.000 đồng gồm tiền hụi chưa góp theo thỏa thuận là 12.000.000 đồng, tiền mượn là 5.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn là bà Trần Thị D không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về cách giải quyết vụ án, do bà D không đến tham gia hòa giải nên không thể tiến hành hòa giải được. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ nguyên đơn không yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng, không cung cấp chứng cứ mới.

Tại phiên tòa, bà Tr không thay đổi yêu cầu khởi kiện. Bà D vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trương Thị Tr có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Phú giải quyết buộc bà D thanh toán khoản nợ hụi, tiền mượn chưa thanh toán; các đương sự có nơi cư trú tại huyện An Phú. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Bà D vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà.

[2] Về nội dung vụ án và việc áp dụng pháp luật: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự trong quá trình tố tụng thể hiện: Ngày 16/5/2015 AL, bà Tr có đứng ra làm chủ 01 dây hụi 3.000.000 đồng, hụi gồm 21 phần và bà D tham gia 01 phần. Ngoài ra vào ngày 07/6/2016 AL bà D có vay của bà Tr 5.000.000 đồng, không lãi suất, không làm biên nhận và không ấn định ngày trả. Khi tham gia giao dịch, các đương sự là người có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi, việc tham gia giao dịch xuất phát từ sự tự nguyện và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ góp hụi sau khi đã nhận tiền hụi xong và không trả tiền khi bà Tr yêu cầu nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp. Do thời điểm thanh toán cuối cùng là ngày 16/9/2016 AL tức thời điểm quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn bị xâm phạm nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án áp dụng những quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án.

[3] Về loại hợp đồng: Việc chơi hụi được lập thành văn bản (có danh sách hụi viên, kỳ mở hụi...); đối với hợp đồng vay tài sản, bà Tr khai cho bà D vay tiền không

tính lãi và không ấn định thời điểm thanh toán, không làm biên nhận. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng hụi và hợp đồng vay tài sản không có lãi, không kỳ hạn theo quy định tại Điều 477 và 479 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4] Về nghĩa vụ thanh toán:

Quá trình giải quyết vụ án, bà D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo hòa giải nhưng bà không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia hòa giải nên xem như bà từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Do vậy Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Tr, buộc bà D có nghĩa vụ trả cho bà Tr 12.000.000 đồng tiền hụi và 4.500.000 đồng tiền vay, tổng cộng là 16.500.000 đồng.

[5] Về phương thức thanh toán và lãi suất chậm trả: Bà Tr yêu cầu bà D phải trả dứt điểm một lần số tiền còn thiếu là không có cơ sở xem xét bởi lẽ phương thức trả nợ do các bên đương sự tự thỏa thuận tại cơ quan Thi hành án. Về lãi suất do chậm thanh toán, do bà Tr không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Bà Tr không phải chịu án phí, bà được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bà D phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 244, 273 và 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 305, 471, 477 và 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Tr.

Buộc bà Trần Thị D phải trả cho bà Tr số tiền 16.500.000 (mười sáu triệu năm trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Án phí: Bà D phải chịu 825.000 (tám trăm hai mươi lăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Tr không phải chịu án phí, bà được nhận lại số tiền 412.500 (bốn trăm mười hai ngàn năm trăm) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002608 ngày 07/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kế từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

***Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THA H. AP;
- Các đương sự;.
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo